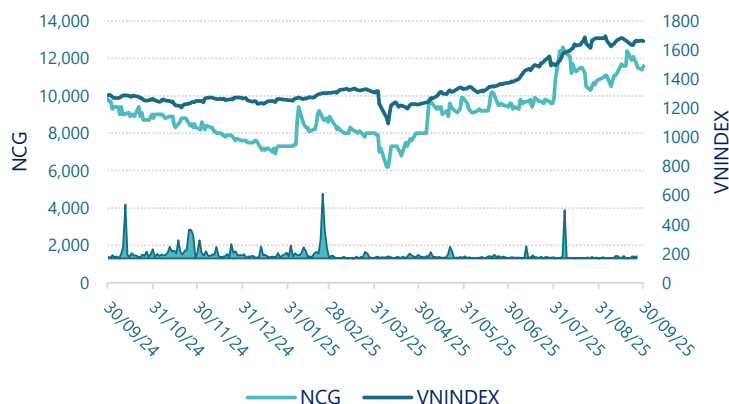


CTCP Tập đoàn Nova Consumer (UPCOM: NCG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,200
SL cổ phiếu LH	119,784,325
KLGD BQ 20 phiên (CP)	46,320
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,389
P/E	7.3
EPS	1,589

DT thuần

Q3/25

1,078

tỷ VNĐ

QoQ: ▼75.0| -6.5%

YoY: ▼22.0| -2.0%

LN sau thuế

Q3/25

26.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼59.3| -69.1%

YoY: ▼16.2| -37.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.9%

+/- YoY: ▼ 1.7%

DT thuần

9T 2025

3,332

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 229| 7.4%

LN sau thuế

9T 2025

184

tỷ VNĐ

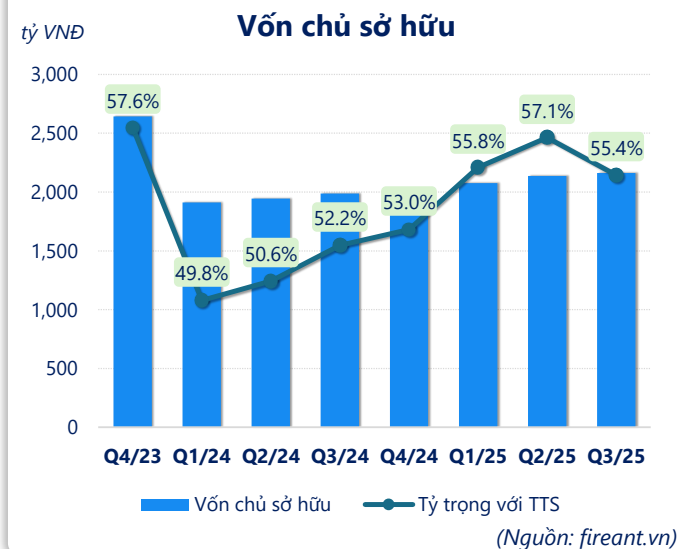
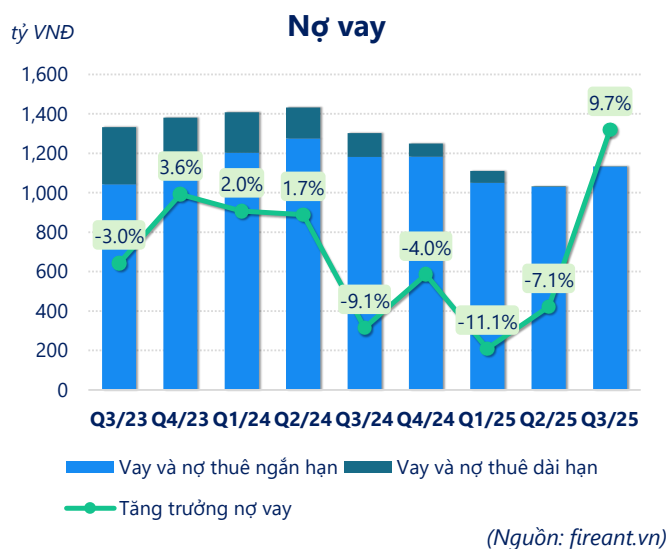
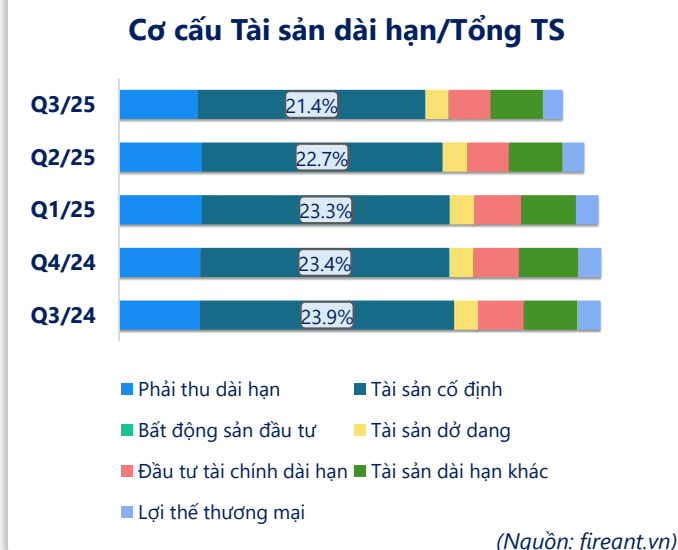
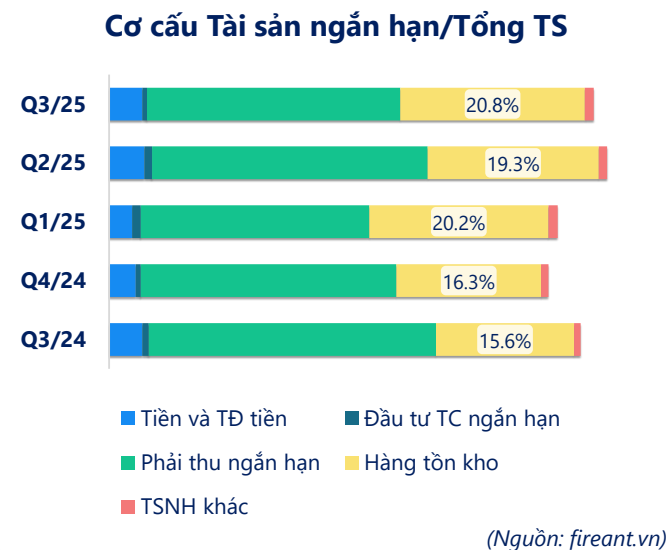
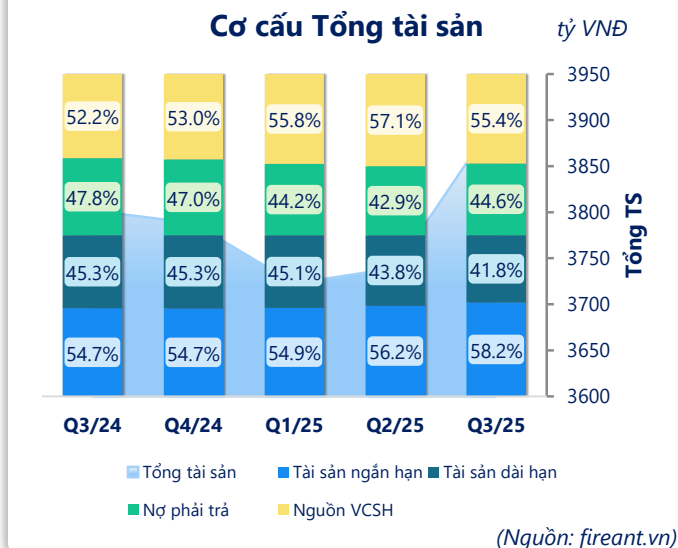
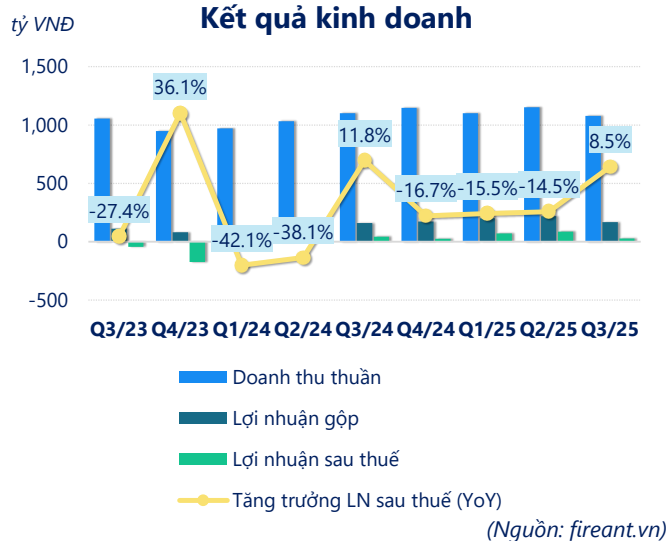
YoY: ▲ 107| 139%

ROE

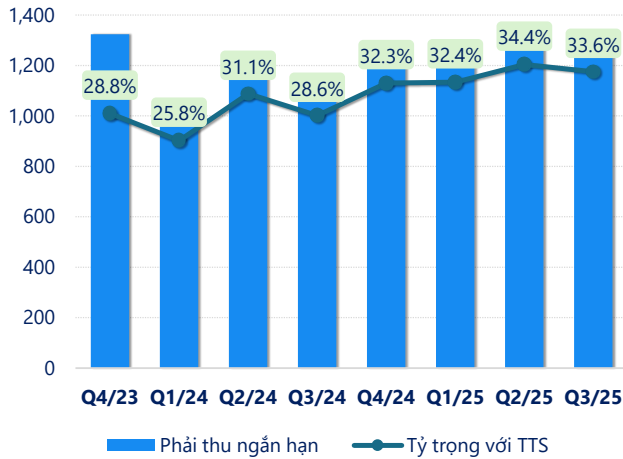
Q3/25

9.2%

+/- YoY: ▲ 13.8%

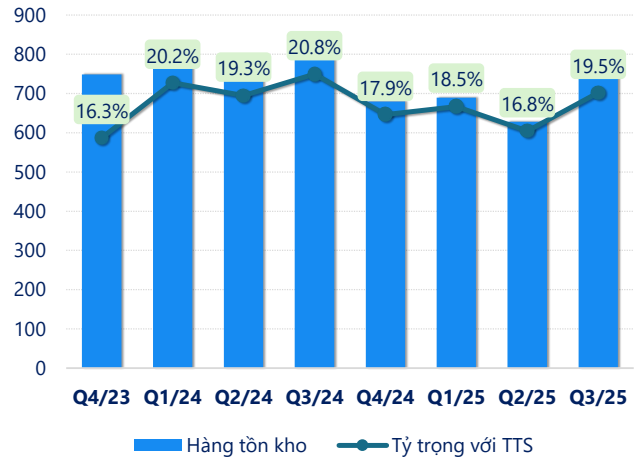


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


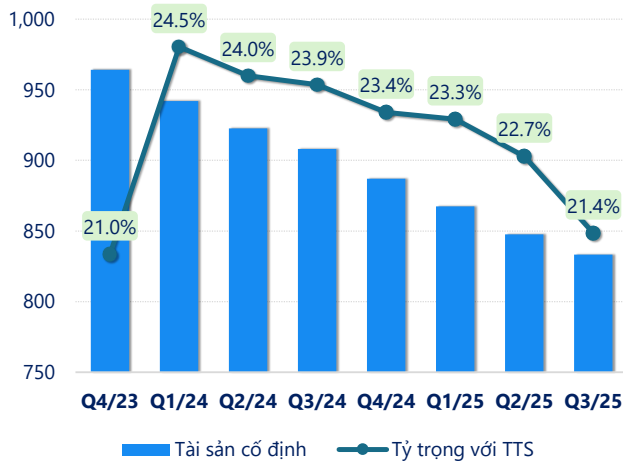
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


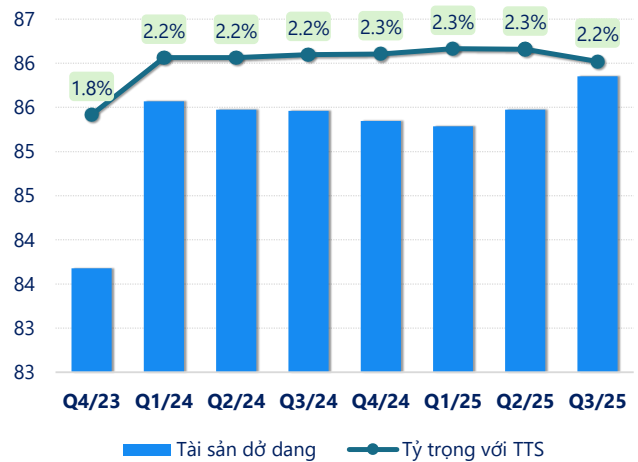
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

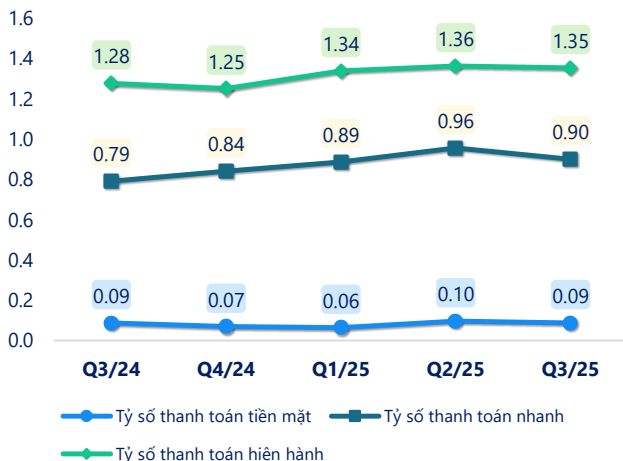
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

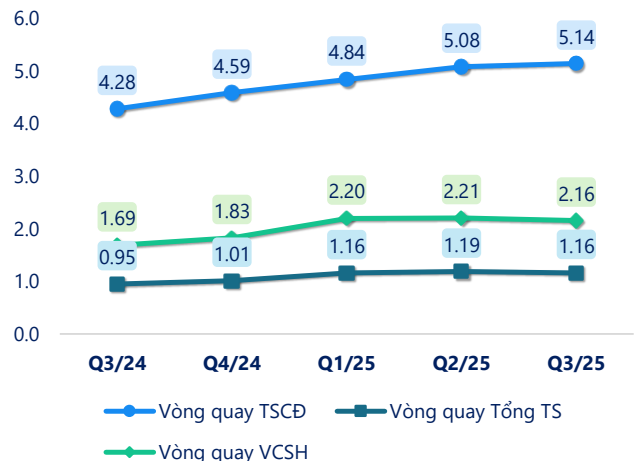
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	3,802	3,788	3,723	3,739	3,901
Tài sản ngắn hạn	2,080	2,070	2,044	2,103	2,272
Tiền và tương đương tiền	142	114	97.4	148	146
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.2	14.9	12.9	8.12	28.0
Phải thu ngắn hạn	1,087	1,224	1,206	1,286	1,310
Hàng tồn kho	792	680	690	628	761
Tài sản ngắn hạn khác	38.7	37.4	37.8	33.0	27.7
Tài sản dài hạn	1,722	1,718	1,679	1,636	1,629
Phải thu dài hạn	290	290	290	290	290
Tài sản cố định	908	887	867	848	833
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	85.5	85.3	85.3	85.5	85.9
Đầu tư tài chính dài hạn	162	162	164	147	154
Tài sản dài hạn khác	192	212	193	190	192
Lợi thế thương mại	84.2	81.5	78.7	76.0	73.3
Nợ phải trả	1,815	1,782	1,646	1,603	1,738
Nợ ngắn hạn	1,628	1,654	1,526	1,542	1,678
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,181	1,182	1,050	1,029	1,131
Phải trả người bán ngắn hạn	233	244	271	255	298
Nợ dài hạn	188	128	120	60.7	60.4
Vay và nợ thuê dài hạn	121	67.1	60.9	3.33	2.02
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,986	2,007	2,077	2,136	2,163
Vốn chủ sở hữu	1,986	2,007	2,077	2,136	2,163
Vốn điều lệ	1,198	1,198	1,198	1,198	1,198
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)